



Ký bởi: Sở Tư pháp  
Email: stp@tphcm.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh  
Thời gian ký: 26.11.2019 15:00:12

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ TƯ PHÁP

Số: 6897/STP-VB  
V/v thẩm định Dự thảo Quy chế  
Quyết định ban hành Định mức hỗ trợ  
từng loại hạng mục, công trình  
đầu tư vào nông nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2019

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	
Số:	5918
ĐỀN	Giờ.Ngày.Đtháng/năm Năm 2009
Chuyên:	

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

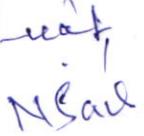
Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3011/SNN-TTTV ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thẩm định Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, theo đó, đề nghị Sở Tư pháp thẩm định Định mức hỗ trợ từng loại Dự án, hạng mục, công trình đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, thông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Bộ định mức). Qua nghiên cứu hồ sơ được cung cấp, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành văn bản và thẩm quyền ban hành:**

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “*ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này*”.

Tại Phụ lục (mục số 13) Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (kèm theo Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ) giao Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương “*Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP*” bằng hình thức Nghị quyết;

Đồng thời Ủy ban nhân dân Thành phố có chỉ đạo tại Công văn số 713/UBND-KT ngày 06 tháng 3 năm 2019 giao “*Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố* hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”. Tại Dự thảo Tờ trình, Sở Nông

*mặt  
Nền*  
  
nghiệp và phát triển nông thôn chưa giải trình về nội dung về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Sở Tư pháp nhận thấy, Bộ định mức ban hành là cơ sở để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn từ kinh phí ngân sách nhà nước. Qua rà soát, hiện nay, theo quy định tại Điều 9 Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền "Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ". Như vậy, liên quan đến vấn đề này, quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền còn chưa thống nhất.

Do đó, để đảm bảo chặt chẽ về mặt thẩm quyền trong việc ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; đảm bảo có phương án xây dựng định mức hỗ trợ phù hợp với quy định pháp luật về thẩm quyền và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân nhắc báo cáo xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét ban hành.

## II. Về trình tự, thủ tục ban hành văn bản:

1. Theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 6, Điều 120 và Điều 129 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 32 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 và Điều 35 Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố (sau đây gọi tắt là Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND); Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND) thì Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật; ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Qua nghiên cứu hồ sơ được cung cấp, Sở Tư pháp nhận thấy đơn vị đã tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành liên quan, trong đó, đã tổ chức lấy ý kiến đối với Hội Nông dân Thành phố. Cơ quan chủ trì đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các đơn vị. Tuy vậy, đối chiếu với các quy định nêu trên và qua rà soát hồ sơ, Sở Tư pháp nhận thấy trong Dự thảo hồ sơ vẫn chưa thể hiện ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, để đảm bảo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đề nghị Cơ

quan chủ trì tổ chức thực hiện quy trình lấy ý kiến đầy đủ các đối tượng bằng hình thức phù hợp.

2. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND thì: “Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phải được đăng tải toàn văn trên công thông tin điện tử của thành phố trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến”. Tuy vậy, trong Dự thảo Tờ trình ban hành quy chế và Dự thảo Báo cáo giải trình tiếp thu, Cơ quan soạn thảo chưa thể hiện nội dung này. Do đó, trong trường hợp Cơ quan soạn thảo đã thực hiện nội dung này thì đề nghị bổ sung nội dung này vào Dự thảo Tờ trình.

### III. Về nội dung Dự thảo Định mức:

#### 1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của định mức tại Điều 1 và Điều 2:

- Tại Điều 1 của Dự thảo Bộ định mức: “Định mức này được xây dựng nhằm thực hiện một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước đối với từng hạng mục, công trình đối với các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ”. Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy nội dung quy định này chưa thể hiện rõ phạm vi điều chỉnh của Dự thảo, còn nhầm lẫn giữa mục đích ban hành với phạm vi điều chỉnh. Do đó, để đảm bảo tính minh bạch trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì nghiên cứu trình bày rõ quy định về phạm vi điều chỉnh theo hướng xác định định mức này điều chỉnh đến đâu, xác định cụ thể về “từng hạng mục, công trình”.

Trong Dự thảo Bộ Định mức và Dự thảo Tờ trình chưa làm rõ các mức hỗ trợ bằng tiền này là hỗ trợ kinh phí đầu tư hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP hay hỗ trợ tín dụng theo Điều 8 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo, giải trình làm rõ trong Dự thảo Tờ trình.

Dự thảo Bộ Định mức sử dụng cụm từ “cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư”, trong khi đó, theo Khoản 3 và Khoản 4 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì “Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục I thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư” và “Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục I thực hiện tại vùng nông thôn, không thuộc địa bàn đã quy định tại khoản 3 và 4 Điều này”.

Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ thì Thành phố Hồ Chí Minh không có địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, trừ trường hợp “Khu công nghiệp, khu chế xuất được thành lập theo quy định của Chính phủ” được xếp vào địa bàn có điều

kiện kinh tế-xã hội khó khăn. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét, làm rõ phạm vi của các dự án được áp dụng chính sách ưu đãi để phù hợp với tên gọi của Văn bản là “*Định mức hỗ trợ*”.

- Tại Điều 2 về Đối tượng áp dụng của Bộ định mức. Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy quy định như dự thảo chỉ áp dụng đối với đối tượng doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối chiếu với mục đích ban hành văn bản được nêu tại Mục 1 Phần II của Dự thảo Tờ trình ban hành thì “*định mức này là cơ sở pháp lý để triển khai các hoạt động hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố*”, như vậy, để thực hiện được mục tiêu ban hành, Sở Tư pháp nhận thấy Cơ quan chủ trì cần rà soát bổ sung đối tượng áp dụng đối với các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện, áp dụng định mức này để trực tiếp thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định.

- Đối với Điều 4. Quy định về áp dụng: “*3. Đối với các hạng mục, công trình có định mức hỗ trợ ngoài Điều 3 quy định này thì áp dụng định mức hỗ trợ đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*”. Đề nghị cân nhắc về nội dung này, qua rà soát, Nghị định không quy định chi tiết về định mức; chỉ quy định 01 định mức hỗ trợ cụ thể tại Khoản 4 Điều 11 với định mức cụ thể trợ là 50 triệu đồng/ha và không quá 05 tỷ đồng/dự án, áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp hình thành theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ.

## **2. Về phương pháp xây dựng Bộ định mức và bô cục, cách trình bày tại Điều 3 của Dự thảo:**

Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo đúng các đối tượng, nội dung, điều kiện được quy định trong Nghị định này. Như vậy, sau khi xác định được đối tượng, nội dung và điều kiện để được hỗ trợ theo từng điều, khoản, điểm của Nghị định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “*ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này*”. Trong khi đó Dự thảo Bộ định mức với các hạng mục cụ thể nhưng không phân biệt đối với từng Dự án, nội dung đầu tư, tương ứng với từng mức hỗ trợ là chưa phù hợp với Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Trong đó:

- Tại cột “*Nội dung đầu tư*”: Cơ quan chủ trì liệt kê 18 hạng mục cụ thể cụ thể, quy định này, có thể hiểu là các dự án có nội dung đầu tư đã được liệt kê, đáp ứng quy cách đầu tư thì sẽ căn cứ vào mức hỗ trợ từng hạng mục công trình để tính mức hỗ trợ. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

của Chính phủ thì “nội dung đầu tư” được hỗ trợ phải gắn với đối tượng, phạm vi và đáp ứng đủ điều kiện thì mới được xem xét áp dụng các mức hỗ trợ.

- Tại cột “Mức hỗ trợ từng hạng mục công trình trên một đơn vị tính” (gọi tắt là “Cột mức hỗ trợ”). Tương ứng với cột “Nội dung đầu tư” và “Quy cách đầu tư” sẽ tương ứng với các mức hỗ trợ đã được ấn định theo thứ tự gồm 80%-70%-60%, một số nội dung có mức hỗ trợ 50%. Các mức hỗ trợ này được nêu trong Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định quy định các mức hỗ trợ cụ thể này gắn với từng nội dung, loại hình Dự án và đáp ứng đúng đối tượng, điều kiện quy định.

Quy định của Dự thảo có thể gây khó khăn cho cơ quan tổ chức thực hiện khi phải đổi chiểu để xác định đối tượng, điều kiện hỗ trợ làm căn cứ để áp dụng định mức này hoặc có thể hiểu là áp dụng đại trà dẫn đến hiểu nhầm nội dung hỗ trợ. Vấn đề này đã được các đơn vị góp ý trong quá trình xây dựng Dự thảo gồm Sở Tài chính (Công văn số 2607/STC-ĐT ngày 03 tháng 5 năm 2019) và Sở Xây dựng (Công văn số 5281/SXD-TĐDA ngày 08 tháng 5 năm 2019), tuy vậy chưa được Cơ quan chủ trì giải trình cụ thể.

Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy mức hỗ trợ từng hạng mục công trình (cột 5) được xác định căn cứ vào nội dung đầu tư (cột 2) và quy cách đầu tư (cột 4). Cách thức tính toán liên quan được Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn giải trình cụ thể tại Dự thảo Tờ trình: “*Cách xác định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục công trình: Căn cứ trên mức hỗ trợ theo quy định và suất đầu tư trên một đơn vị đầu tư, tính toán mức hỗ trợ như sau: Mức hỗ trợ trên một đơn vị đầu tư = (% hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP) x (suất đầu tư trên một đơn vị đầu tư)*” và đính kèm Phụ lục thuyết minh chi tiết.

Đề nghị Cơ quan chủ trì báo cáo giải trình rõ trong Dự thảo Tờ trình. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan chủ trì có thể nghiên cứu quy định công thức này trong Dự thảo định mức để đảm bảo tính minh bạch trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Lưu ý trong phần phụ lục thuyết minh cần bổ sung điều, khoản, điểm cụ thể về quy định mức hỗ trợ trong các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu. Việc trình bày như Dự thảo phần phụ lục là chưa rõ cơ sở để đánh giá.

### 3. Một số ý kiến cụ thể đối với Bộ định mức:

- Tại số thứ tự số 1 của Bộ định mức về nội dung đầu tư: “*Hệ thống đường giao thông trong dự án (đường cấp VI), vùng đồng bằng*”: Qua rà soát, Khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định áp dụng đối với dự án đủ điều kiện “nếu bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án” “thì được hỗ trợ bổ sung 70% chi phí và không quá 05 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên”. Trong khi đó, theo Dự thảo thì Hệ thống đường giao thông

trong Dự án là cấp VI và mức hỗ trợ (tối đa) là 80% như vậy, là vượt mức 70% của Nghị định. Đề nghị Cơ quan chủ trì giải trình, làm rõ về sự phù hợp của định mức so với quy định của Nghị định.

- Tại số thứ tự số 2 của Bộ định mức về nội dung đầu tư: “*Hạng mục đầu tư xây dựng công trình thủy lợi*”: Qua rà soát, Khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định: “Doanh nghiệp có dự án xây dựng bến cảng phục vụ vận chuyển sản phẩm nông lâm thủy sản, khu neo đậu tàu thuyền, hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước, công trình thủy lợi làm dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 20 tỷ đồng/dự án”. Tuy nhiên, trong Mức hỗ trợ của Dự thảo lại thể hiện các mức tiền cụ thể, chưa nêu cụ thể về tỷ lệ định mức %.

- Tương tự, tại số thứ tự số 3 (Hạng mục xây dựng hệ thống điện trong dự án) và số thứ tự số 3 (Công trình nhà xưởng và kho chuyên dùng) và số thứ tự số 4 (Xây dựng kho đông lạnh), số thứ tự số 5 (Nhà máy chế biến nông sản): Đề nghị bổ sung tỷ lệ % được hỗ trợ.

- Đối với số thứ tự số 6 (Hệ thống xử lý nước thải, chất thải): Bộ định mức quy định hỗ trợ 09 hạng mục, trong đó gồm Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất từ dưới 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm–đến dưới 300.000 m<sup>3</sup> ngày/đêm; hệ thống xử lý nước thải sinh thải sinh hoạt (công nghệ chế biến phân vi sinh) và các điểm b, c, đ về hệ thống xử lý chất thải rắn bằng các công nghệ.

Qua nghiên cứu, Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định: “Doanh nghiệp có dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt tại nông thôn; thu gom xử lý chất thải làng nghề, nông thôn được hỗ trợ 60% chi phí mua thiết bị, xây dựng hệ thống xử lý, mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án”. Theo đó, mức hỗ trợ chi phí mua thiết bị là 60% và mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án. Trong khi đó, Dự thảo bộ định mức quy định cho các hạng mục với mức hỗ trợ tối đa là 80%, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu cân đối lại mức hỗ trợ cho phù hợp hoặc có giải trình cụ thể.

- Đối với các hạng mục số 7 (xây dựng nhà mìn), số 8 (xây dựng nhà lưới), số 9 (hệ thống tưới nhỏ giọt): Đề nghị giải trình thêm về cơ sở pháp lý đối với các định mức hỗ trợ 80%-70%-60%.

- Đối với hạng mục số 11 (xây dựng chuồng trại chăn nuôi), số 12 (đầu tư về máy móc, thiết bị chăn nuôi), số 13 (xây dựng hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi): Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì: “*Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau: 1. Hỗ trợ 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị*”. Nghị định không quy định về tỷ lệ mức hỗ trợ, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì giải

trình về cơ sở của các định mức từ 50% đến 80% trong Bộ định mức hoặc các nguyên tắc xây dựng định mức này. Trường hợp nội dung này của Dự thảo là để cụ thể hóa Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, đề nghị Cơ quan soạn thảo cần ghi rõ hạng mục là “Chăn nuôi bò” để tránh nhầm lẫn với các đối tượng chăn nuôi khác (chăn nuôi heo, gia cầm, hoặc đối tượng vật nuôi khác).

- Đối với hạng mục số 16 (Chi phí đầu tư cơ bản trong nuôi trồng thủy sản): Theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì “*Doanh nghiệp có dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên được hỗ trợ 200 triệu đồng/ha để xây dựng ha tầng, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường. Diện tích nuôi tăng lên mức hỗ trợ được tăng lên tương ứng. Mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án*”. Tuy nhiên, Dự thảo định mức quy định mức hỗ trợ cho chi phí đầu tư cơ bản trong nuôi trồng thủy sản tương ứng từ 50%-80% là chưa cụ thể mức hỗ trợ của Nghị định.

#### **IV. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**

Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản của Dự thảo về cơ bản đã phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Tuy vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo điều chỉnh một số nội dung sau đây:

##### **1. Về tiêu đề các điều trong Quyết định ban hành Quy chế:**

Theo tại Khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Khoản 3, Điểm c Khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ thì “*các phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản quy phạm pháp luật phải có tiêu đề*” (tiêu đề in đậm)

Qua rà soát thì các Điều trong Dự thảo Quy chế ban hành có tiêu đề, nhưng các điều tại Dự thảo Quyết định ban hành chưa có tiêu đề (tên điều in đậm), ngoại trừ tại Điều 1 đã phù hợp với Mẫu số 19 ban hành kèm theo Phụ lục I của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, các điều còn lại của Dự thảo Quyết định ban hành cần có thêm tiêu đề, cụ thể:

- Tại Điều 2: Đề nghị bổ sung: **Điều 2. Hiệu lực thi hành**
- Tại Điều 3: Đề nghị bổ sung: **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

##### **2. Về tên gọi văn bản của Định mức:**

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 60 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ thì “*Tên gọi của Văn bản bằng chữ in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm được đặt cạnh giữa, ngay dưới tên loại văn bản*”, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì điều chỉnh lại cách trình bày như sau:

#### **QUY ĐỊNH**

**Định mức hỗ trợ từng loại dự án, hạng mục, công trình  
đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2019/QĐ-UBND ngày .... tháng ... năm .... của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### 3. Về việc trích dẫn các căn cứ pháp lý trong phần Phụ lục giải trình:

Trong phần ghi chú của Phụ lục giải trình, Cơ quan soạn thảo có viện dẫn quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tuy nhiên, đơn vị không viện dẫn điều, khoản, điểm cụ thể, do đó Cơ quan thẩm định còn khó khăn trong việc nghiên cứu, có ý kiến. Nội dung này cũng đã được Sở Khoa học và Công nghệ góp ý (tại Công văn số 595/SKHCN-QLCN ngày 04 tháng 04 năm 2019) nhưng chưa được tiếp thu đầy đủ.

Ngoài ra, trong Bảng định mức, Cơ quan chủ trì đánh số thứ tự còn trùng lắp, dẫn đến khó theo dõi, trích dẫn, ví dụ như có 03 hạng mục khác nhau được đánh số thứ tự 3; tại hạng mục số thứ tự 6 có các tiểu mục đánh số thứ tự trùng nhau gồm hạng mục a, hạng mục d, hạng mục đ. Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp, kính chuyển Sở Nông nghiệp và Nông thôn nghiên cứu, tổng hợp./. 

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- UBND.TP (để b/c);
- Lưu: VT, VB

